

QUYẾT ĐỊNH

**Duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
Nâng cấp đường Tà Lài - Trà Cỏ (đoạn từ Km1+600 đến Km5+600)
huyện Định Quán và huyện Tân Phú**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khác;

Theo đề nghị của Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 32/TTr-BQLDAĐT XD 25/02/2019 và Văn bản số 1602/BQLDAĐT XD-GT ngày 31/10/2019; Kết quả thẩm định của Sở Giao thông Vận tải tại Văn bản số 7021/SGTVT-QLGT ngày 31/10/2019 và Ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 862/TTr-SKHĐT ngày 31/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Nâng cấp đường Tà Lài - Trà Cỏ (đoạn từ Km1+600 đến Km5+600), huyện Định Quán và huyện Tân Phú; như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp đường Tà Lài - Trà Cỏ (đoạn từ Km1+600 đến Km5+600), huyện Định Quán và huyện Tân Phú.
2. Địa điểm: Huyện Định Quán và huyện Tân Phú.
3. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Đồng Nai.
4. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế Đông Nam.
5. Chủ nhiệm lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: KS Phạm Cao Nguyên.
6. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
 - a) Hiện trạng: Tuyến đường Tà Lài - Trà Cỏ bắt đầu từ đường Cao Cang (ĐT.775) tại khu vực xã Gia Canh, huyện Định Quán, đầu nối vào Quốc lộ 20 tại khu vực xã Phú Sơn, huyện Tân Phú. Tuyến hình thành trên cơ sở kết nối từ các tuyến đường Trà Cỏ, đường Tà Lài, đường Núi Tượng - Nam Cát Tiên, đường 600A. Hiện trạng đoạn tuyến từ Km1+600 đến Km5+600 hiện hữu là đường đất, đi qua cánh đồng lúa xã Gia Canh, xã Phú Hòa, huyện Định Quán và xã Phú Điền, huyện Tân Phú.
 - b) Mục tiêu đầu tư: Nhằm kết nối giao thông giữa huyện Định Quán và huyện Tân Phú (không phải đi đường Quốc lộ 20), đảm bảo an toàn giao thông, phục vụ tốt hơn cho nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa; đảm bảo an ninh quốc phòng và an toàn trật tự xã hội của khu vực.
7. Quy chuẩn kỹ thuật, Tiêu chuẩn áp dụng được lựa chọn:
 - Quy trình khảo sát đường ô tô 22TCN 263-2000;
 - Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005;
 - Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế TCXDVN 104:2007
 - Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế 22TCN 211-06;
 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN 07:2016/BXD;
 - Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN 11823:2017;
 - Tiêu chuẩn TK công theo các trạng thái giới hạn 22TCN-18 79;
 - Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép: TCVN 5574:2012;
 - Tiêu chuẩn về thép cốt bê tông : TCVN 1651:2008;
 - Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ TCVN 9845-2013;
 - Tiêu chuẩn TCVN 4447:2012 về công tác đất – thi công và nghiệm thu;
 - Tiêu chuẩn TCVN 9504: 2012 về Lớp kết cấu áo đường đá dăm nước - Thi công và nghiệm thu;
 - Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8819:2011 mặt đường bê tông nhựa nóng- yêu cầu thi công và nghiệm thu;
- Các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành khác
8. Quy mô đầu tư: Dự án nhóm B:
 - Nâng cấp tuyến đường Tà Lài - Trà Cỏ từ Km1+600 đến Km5+600 đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng, vận tốc thiết kế 60km/h, kết cấu mặt đường bê tông nhựa nóng.
 - Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng qua khu vực đông dân cư;

- Xây dựng 02 cầu trên tuyến: cầu qua suối Đắk Lua dài khoảng 25,2m, cầu qua kênh thủy lợi dài khoảng 33,8m.

- Hoàn trả nương thủy lợi cũ (hiện hữu là nương đất) bằng nương BTCT rộng 2,0m, sâu 1,5m. Nương nằm phía bên trái tuyến, từ Km2+607 đến Km4+357.

9. Loại và cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình giao thông.

- Cấp hạng kỹ thuật:

+ Phần đường: Đường ô tô cấp IV - đồng bằng (theo tiêu chuẩn 4054:2005); Vận tốc thiết kế 60km/h; Kết cấu mặt đường: Mặt đường cấp cao A1, bằng bê tông nhựa nóng;

+ Phần cầu: Bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực, quy mô vĩnh cửu. Tải trọng thiết kế HL93.

10. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

11. Nội dung thiết kế:

11.1. Hạng mục đường giao thông: Nâng cấp đường Tà Lài - Trà Cỏ đoạn từ Km1+600 đến Km5+600 đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng, vận tốc thiết kế 60km/h, tải trọng trục thiết kế $P=10T$, nền đường rộng 9m (trong đó mặt đường xe chạy rộng 7m; Lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m; Lề đất rộng mỗi bên 0,5m).

a) Bình đồ - Trắc dọc - Trắc ngang:

- Bình đồ tuyến: thiết kế bám theo tim đường hiện hữu, mở rộng sang hai bên, đảm bảo bán kính đường cong tối thiểu $R=125m$.

- Trắc dọc: thiết kế cao độ đường đò đảm bảo cao độ tối thiểu trên cơ sở tính toán thủy văn, cao độ đường đò thiết kế tối thiểu $H4\% = +108,50m$, tuyến đường chủ yếu là đường đắp thấp (chiều cao đắp $<1m$), riêng đoạn qua khu vực ruộng đắp cao $>2m$ cho phù hợp cao độ thiết kế cầu.

- Quy mô mặt cắt ngang:

+ Phần xe chạy : $2 \times 3,50 = 7,00m$.

+ Lề gia cố : $2 \times 0,50 = 1,00m$

+ Lề đất : $2 \times 0,50 = 1,00m$.

+ Tổng cộng : $= 9,00m$.

b) Nền đường:

- Đối với nền đắp: Giải pháp thiết kế chủ yếu đối với nền đường là đào bỏ lớp đất mặt hữu cơ, sau đó đắp nền bằng đất chọn lọc, lu lèn đạt độ chặt $K>0,95$. Riêng 50cm trên cùng đắp bằng đất sỏi đỏ, lu lèn đạt độ chặt $K>0,98$.

- Đối với nền đào: Đào khuôn đường, lu lèn nền đường nguyên thổ đạt độ chặt $K>0,95$, làm lớp nền thượng bằng đất sỏi đỏ lu lèn đạt độ chặt $K>0,98$ dày 30cm.

- Trong mọi trường hợp (cả nền đào và nền đắp), 30cm trên cùng phải đảm bảo sức chịu tải $CBR>6$, và 50cm tiếp theo phải đảm bảo sức chịu tải $CBR>4$.

c) Mặt đường:

- Thiết kế mặt đường bê tông nhựa nóng cấp cao A1, tải trọng trục $P=10$ tấn, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} = 138Mpa$. Kết cấu áo đường như sau: Lớp mặt BTNN C12,5, dày 4cm; Lớp mặt BTNN C19, dày 5cm; Lớp móng đá Macadam, dày 30cm.



d) Hệ thống tín hiệu giao thông, cấm mốc lộ giới:

- Thiết kế vạch sơn, biển báo đường bộ theo QCVN41:2016/BGTVT.
- Lắp đặt tường hộ lan hai bên đường đầu cầu.

e) Hệ thống thoát nước:

- Thoát nước ngang:
 - + Xây dựng 08 cống tròn D1000, trong đó: thay thế 07 vị trí cống, mương ngang hiện hữu có khẩu độ nhỏ (mương 60*60cm, cống D400) và làm mới 01 cống.
 - + Cống sử dụng là cống BTCT đúc sẵn lắp ghép.
- Thoát nước dọc:
 - + Tại các đoạn qua khu vực đông dân cư: bố trí mương dọc lòng mương hình chữ nhật bằng BTCT kích thước 0,6x0,6m, đáy nắp đan BTCT;
 - + Đối với các đoạn còn lại: bố trí rãnh đất khi chiều cao đắp nhỏ hơn 60cm hoặc tại khu vực nền đường đào.

11.2. Hạng mục cầu:

- Xây dựng mới 02 cầu bê tông cốt thép vĩnh cửu, kết cấu 01 nhịp giản đơn dầm bê tông cốt thép dự ứng lực, tải trọng thiết kế HL93 (người đi bộ 300kg/m²), tần suất lũ thiết kế 1%.

- Mặt cắt ngang cầu:

- + Phần xe chạy : 2 x 3,50 = 7,00m.
- + Dải an toàn : 2 x 0,50 = 1,00m
- + Lan can : 2 x 0,50 = 1,00m.
- Tổng cộng : = 9,00m.

- Kết cấu phần trên:

- Hệ dầm chủ gồm 06 dầm dạng chữ I bằng bê tông cốt thép dự ứng lực, đặt trên gối cao su, khoảng cách tim dầm 160cm. Chiều dài dầm chủ các cầu như sau:

- + Cầu số 1 (cầu qua suối Đắk Lua): chiều dài dầm chủ L=24,54m;
- + Cầu số 2: (cầu qua mương thủy lợi): chiều dài dầm chủ L=33m;

- Dầm ngang bằng BTCT 30Mpa đổ tại chỗ. Bản mặt cầu bằng BTCT 30Mpa đổ tại chỗ, dày 18cm. Lớp phủ bằng bê tông nhựa BTNC12,5 dày 5cm. Khe co giãn thép dạng răng lược. Lan can cầu cao 1m bằng thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Kết cấu phần dưới:

+ Móng cầu thiết kế móng cọc BTCT 40x40cm. Mố cầu dạng chữ U bằng BTCT 30Mpa đổ tại chỗ. Sau mố thiết kế bản quá độ BTCT.

+ Tú nón mố được gia cố bằng đá hộc vữa M100, dày 30cm để giữ ổn định.

- Cống chui đường nội đồng:

+ Tại khu vực mố B của cầu số 2 có đường nội đồng hiện hữu, để thiết kế cống chui để kết nối đường nội đồng.

+ Cống chui thiết kế dạng cống hộp BTCT.

- Cầu tạm phục vụ thi công:

+ Lắp dựng cống tạm tại 02 vị trí xây dựng cầu để đảm bảo giao thông trong quá trình thi công 02 cầu chính.

11.3. Hạng mục điện chiếu sáng:

- Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng 1 bên, trên các đoạn qua khu đông dân cư, gồm đoạn đầu dự án (Km1+600-:-Km2+580) và đoạn cuối dự án (Km4+413-:-Km5+112). Tổng chiều dài khoảng 1,7km.

- Hệ thống chiếu sáng sử dụng bóng đèn Led, trụ thép hình côn cao 9m.

11.4. Hạng mục hoàn trả nương thủy lợi:

Bên trái tuyến có nương thủy lợi hiện hữu là nương đất. Khi mở rộng tuyến đường phải lấp nương này để làm nền đường. Do đó, để không ảnh hưởng đến việc canh tác nông nghiệp, thiết kế nương thủy lợi bằng nương đất nằm cạnh bên trái tuyến từ Km2+607 đến Km4+357.

12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Theo quy định của Luật đất đai.

13. Tổng mức vốn đầu tư:

114.660.274.666 đồng

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng	:	62.864.918.147	đồng
+ Chi phí quản lý dự án	:	1.230.437.898	đồng
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	4.948.119.563	đồng
+ Chi phí khác	:	4.483.603.041	đồng
+ Chi phí giải phóng mặt bằng	:	23.119.547.800	đồng
+ Chi phí dự phòng	:	18.013.648.218	đồng

14. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

16. Phương thức đầu tư: Đấu thầu.

17. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2020 - 2024.

18. Các vấn đề cần lưu ý khi triển khai thiết kế bản vẽ thi công:

- Trong giai đoạn triển khai lập bước thiết kế bản vẽ thi công kiểm tra lại giải pháp thiết kế nền đường, móng mố trụ cầu đảm bảo an toàn, chất lượng, tránh điều chỉnh phát sinh trong quá trình triển khai thi công; Thực hiện thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông theo quy định.

- Nghiên cứu thực hiện các ý kiến góp ý của các Sở, ngành liên quan.

- Rà soát, làm rõ chi phí giải phóng mặt bằng có sự chênh lệch lớn giữa giá trị Chủ đầu tư đề xuất (21,9 tỷ đồng) và giá trị trong chủ trương đầu tư được HĐND tỉnh phê duyệt (12,9 tỷ đồng).

- Khi phê duyệt nhiệm vụ phương án khảo sát bước thiết kế bản vẽ thi công, Chủ đầu tư có trách nhiệm rà soát và phê duyệt trên cơ sở tận dụng tối đa số liệu, kết quả khảo sát ở bước trước.

- Thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường trường theo quy định.

- Sử dụng phần dự phòng đúng mục đích, tránh trường hợp đề nghị phát sinh công việc hoặc tăng thêm hạng mục công trình để sử dụng dự phòng phí.

- Quản lý đầu tư và xây dựng dự án theo quy định.



- Chủ đầu tư chỉ được triển khai các bước tiếp theo sau khi tổ chức điều chỉnh tổng dự toán xây dựng công trình theo văn bản hoặc thông tư của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2018 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 11809/UBND-KTNS ngày 15/10/2019.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Định Quán; Chủ tịch UBND huyện Tân Phú; Giám đốc Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Đồng Nai và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng KTN;
- Lưu: VT, KTN (Sơn)

10-31

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Vĩnh